

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2018

V/v ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Trường Lâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Dương Thị Tú Phương**

Ông **Huỳnh Lâm Tài**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Trương Quốc Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về việc việc **“*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* anh **Từ Thanh H** – sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp N, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* chị **Lê Thị Kiều T** – sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp N, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Anh H, chị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Từ Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh H và chị T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1993, hôn nhân tự nguyện, nhưng từ sau khi sống chung đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống chung không hạnh phúc, cả hai không hiểu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H và chị T đã ly thân từ năm 2017 đến nay, do đó anh H yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: anh H và chị T có hai con chung tên Từ Ngọc A – sinh năm 1994 và Từ Chí M – sinh ngày xx/xx/2005. Con lớn đã trưởng thành và đã đi làm, anh H đang trực tiếp nuôi cháu Từ Chí M – sinh ngày xx/xx/2005 từ ngày ly thân đến nay. Khi ly hôn, anh H đồng ý giao cháu Từ Chí M – sinh ngày xx/xx/2005 cho chị T nuôi

dưỡng, anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật với mức 650.000đ/tháng được tính kể từ ngày 09/02/2018 đến ngày cháu Từ Chí M tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: khi ly hôn, anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Bị đơn chị Lê Thị Kiều T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị T thống nhất lời trình bày của anh H về thời điểm sống chung và ngày ly thân, thống nhất không có đăng ký kết hôn. Do cuộc sống chung tồn tại nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị T đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: thống nhất có 02 con chung như anh H trình bày. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung là cháu Từ Chí M – sinh ngày xx/xx/2005 và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: chị T thống nhất với anh H không yêu cầu giải quyết. Chị T không có yêu cầu phân tố.

Anh H, chị T thống nhất không có nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: anh H và chị T tự nguyện sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn; do đó, hôn nhân giữa anh H và chị T là chưa hợp pháp không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh H và chị T thống nhất ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2018, không công nhận anh H và chị T là vợ chồng.

Anh H và chị T thống nhất sau khi ly hôn chị T được quyền nuôi con chung là cháu Từ Chí M – sinh ngày xx/xx/2005 và anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật kể từ ngày 09/02/2018 đến ngày cháu M tròn 18 tuổi. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của cháu M. Sự thỏa thuận là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Anh H, chị T xác định không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, do đó, không đặt ra xem xét.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Anh H yêu cầu ly hôn và chị T, đương sự có địa chỉ thường trú tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh H và chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị T là phù hợp quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hội đồng xét xử xét thấy, anh H và chị T tự nguyện sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa anh H và chị T là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh H và chị T

đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận anh H và chị T là vợ chồng, hậu quả của việc chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*”.

[3] Về con chung: anh H và chị T thống nhất sau khi ly hôn chị T được quyền nuôi con chung là cháu Từ Chí M – sinh ngày xx/xx/2005. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh H và chị T là phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu M là mong muốn được sống cùng với chị T. Hiện tại, anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Do đó, buộc anh H có nghĩa vụ giao cháu Từ Chí M – sinh ngày xx/xx/2005 cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh H có quyền và nghĩa vụ quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật; anh H tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu M với mức 650.000đ/tháng kể từ ngày 09/02/2018 cho đến ngày cháu M tròn 18 tuổi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: anh H và chị T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh H, chị T xác định không có nợ chung và không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] *Về án phí:* Anh H phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 300.000đ và án phí cấp dưỡng là 300.000đ; anh H đã dự nộp tạm ứng 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010457 ngày 04/01/2018 được chuyển thu án phí 300.000đ, anh H phải nộp thêm 300.000đ án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Chị T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 14, Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận anh Từ Thanh H và chị Lê Thị Kiều T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Từ Chí M – sinh ngày xx/xx/2005 cho chị Lê Thị Kiều T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Buộc anh Từ Thanh H có nghĩa vụ giao con chung tên Từ Chí M – sinh ngày xx/xx/2005 cho chị Lê Thị Kiều T nuôi dưỡng. Anh H có quyền và nghĩa vụ quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Từ Chí M – sinh ngày xx/xx/2005 với mức 650.000đ/tháng, kể từ ngày 09/02/2018 cho đến ngày cháu M tròn 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh H phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 300.000đ và án phí cấp dưỡng là 300.000đ; anh H đã dự nộp tạm ứng 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010457 ngày 04/01/2018 được chuyển thu án phí 300.000đ, anh H phải nộp thêm 300.000đ án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Chị T không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lư Trường Lâm